

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/KDTM-ST
Ngày: 28-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyễn Ngọc Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Tâm.
2. Bà Châu Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại Phòng xử án A trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2017/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty C; trụ sở: Số 1-5 đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty C: Ông Vũ Quý H, sinh năm 1977, chức vụ: Giám đốc; thường trú: Số 14, đường G, khu phố K, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty C: Ông Đào Đình T, sinh năm 1981, chức vụ: Giám đốc Công ty C – Chi nhánh V; thường trú: Số 6D2, đường S, phường C, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2016).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Đình T: Ông Võ Văn E, chức vụ: Chuyên viên công ty (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2017). (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty TĐ; trụ sở: Số 1/9A, khu phố N, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TĐ: Ông Nguyễn Công Đ, chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2017, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Công ty C là ông Võ Văn E trình bày:*

Ngày 05/4/2016, Công ty C và Công ty TĐ có ký hợp đồng lắp đặt bồn và cung cấp gas số 21/HĐCC-LĐ/2016. Theo đó, Công ty C sẽ bán gas (LPG) và cho Công ty TĐ mượn vỏ bình gas để sử dụng. Về số lượng hàng mua bán, đơn giá cụ thể tùy vào từng lần đặt hàng của Công ty TĐ, hai bên sẽ xác nhận qua bản fax và Công ty C sẽ thông báo vào ngày đầu mỗi tháng. Công ty C có trách nhiệm xuất hóa đơn thu tiền gas cho Công ty TĐ vào cuối tháng và Công ty TĐ có trách nhiệm thanh toán tiền hàng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công ty C xuất hóa đơn.

Trong quá trình hợp tác, tính đến ngày 29/5/2016 Công ty TĐ đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, còn nợ Công ty C số tiền hàng là 20.614.500 đồng. Công ty C nhiều lần nhắc nhở nhưng Công ty TĐ vẫn không thanh toán. Vì vậy, ngày 21/9/2016 hai bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ xác định Công ty TĐ còn nợ Công ty C số tiền hàng là 20.614.500 đồng. Từ đó đến nay Công ty TĐ vẫn không thanh toán tiền nợ cho Công ty C. Nay Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty TĐ phải thanh toán tổng số tiền 24.025.513 đồng, trong đó số tiền hàng còn nợ là 20.614.500 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 29/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.411.013 đồng.

Ngày 07/02/2018, Tòa án nhận được đơn của ông Võ Văn E là người đại diện hợp pháp của Công ty C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TĐ, cụ thể xin rút yêu cầu về việc buộc Công ty TĐ phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 29/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.411.013 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 09/01/2018, bị đơn Công ty TĐ do ông Nguyễn Công Đ là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Công ty TĐ thừa nhận có ký hợp đồng lắp đặt bồn và cung cấp gas số 21/HĐCC-LĐ/2016 ngày 05/4/2016 với Công ty C. Công ty TĐ thống nhất với trình bày của Công ty C về số lượng hàng mua bán, đơn giá cụ thể và thời gian thanh toán tiền hàng. Tính đến ngày 29/5/2016, Công ty TĐ còn nợ Công ty C số tiền hàng là 20.614.500 đồng. Nay Công ty C yêu cầu Công ty TĐ phải thanh toán tổng số tiền 24.025.513 đồng, trong đó số tiền hàng còn nợ là 20.614.500 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 29/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.411.013 đồng thì phía Công ty TĐ chỉ đồng ý trả cho Công ty C số tiền hàng còn nợ là 20.614.500 đồng.

Ngày 30/01/2018, Tòa án triệu tập ông Nguyễn Công Đ tham gia phiên hòa giải nhưng ông Đ vắng mặt không lý do và người đại diện theo ủy quyền của Công ty C có đơn xin không tiến hành hòa giải, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được.

Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Công Đ đã được Tòa án thông báo, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 30/01/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 07/3/2018 và ngày 28/3/2018, nhưng ông Nguyễn Công Đ vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An:*

Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TĐ là ông Nguyễn Công Đ được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 07/3/2018 và 28/3/2018 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp, các chứng cứ Tòa án đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đương sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TĐ thanh toán số tiền hàng còn nợ là 20.614.500 đồng là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Đối với yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 29/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.411.013 đồng, phía nguyên đơn đã có văn bản rút yêu cầu nên có căn cứ đình chỉ giải quyết đối với khoản tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện khởi kiện: Nguyên đơn Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TĐ có trụ sở tại số 1/9A, khu phố N, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, việc ký kết hợp đồng nhằm mục đích lợi nhuận. Vì vậy, đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại quy định “*Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm...*”. Công ty C xác định kể từ ngày Công ty TĐ chậm thanh toán tiền hàng đầu tiên theo Hóa đơn số 0001659 ngày 29/4/2016. Đến ngày 07/12/2017, Công ty C khởi kiện Công ty TĐ yêu cầu thanh toán tiền hàng còn nợ và tiền lãi chậm thanh toán trên nên còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về tố tụng: Ông Võ Văn E là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Công ty C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TĐ là ông Nguyễn Công Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 07 tháng 3 năm 2018 và ngày 28 tháng 3 năm 2018 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Văn E và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Công Đ.

[4] Ngày 07/02/2018, ông Võ Văn E là người đại diện hợp pháp của Công ty C nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TĐ, về việc buộc Công ty TĐ phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 29/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.411.013 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn.

[5] Về nội dung vụ án: Quá trình tố tụng, phía nguyên đơn xác định ngày 05/4/2016 giữa Công ty C với Công ty TĐ có ký hợp đồng lắp đặt bồn và cung cấp gas số 21/HĐCC-LĐ/2016 ngày 05/4/2016 với nội dung Công ty C sẽ bán gas (LPG) và cho Công ty TĐ mượn vỏ bình gas để sử dụng. Còn về số lượng hàng mua bán, đơn giá cụ thể tùy vào từng lần đặt hàng của Công ty TĐ, hai bên sẽ xác nhận qua bản fax và Công ty C sẽ thông báo vào ngày đầu mỗi tháng. Công ty C có trách nhiệm xuất hóa đơn thu tiền gas cho Công ty TĐ vào cuối tháng và Công ty TĐ có trách nhiệm thanh toán tiền hàng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công ty C xuất hóa đơn. Xét hợp đồng lắp đặt bồn và cung cấp gas trên được giao kết giữa Công ty C với Công ty TĐ thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên và được lập thành văn bản nên có giá trị pháp lý.

Trong quá trình hợp tác, trong đợt giao hàng đầu tiên của Công ty C theo hóa đơn số 0001659 xuất ngày 29/4/2016, Công ty TĐ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Đến ngày 21/9/2017, Công ty TĐ và Công ty C đã đối chiếu công nợ. Từ đó đến nay, Công ty TĐ vẫn không thanh toán tiền nợ mặc dù Công ty C đã nhiều lần nhắc nhở. Như vậy, Công ty TĐ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo hợp đồng.

[6] Trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Công Đ thừa nhận về việc có ký kết hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán và số tiền còn nợ nguyên đơn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do khó khăn trong kinh doanh nên Công ty TĐ không thực hiện thanh toán tiền cho nguyên đơn đúng hạn. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C yêu cầu Tòa án buộc Công ty TĐ thanh toán số tiền hàng còn nợ là 20.614.500 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tại phiên tòa đối với quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TĐ phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho Công ty C theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 50, 55 Luật Thương mại;

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C về việc yêu cầu bị đơn Công ty TĐ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 29/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.411.013 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C đối với bị đơn Công ty TĐ về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty TĐ có trách nhiệm thanh toán số tiền 20.614.500 đồng (hai mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng) cho Công ty C.

Kể từ ngày Công ty C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TĐ không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TĐ phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty C số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018598 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Nguyễn Ngọc Quang